

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 1924 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 17 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt “Đề án Phát triển hệ thống giao thông
kết nối vùng và nội tỉnh”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 15/9/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tầm nhìn chiến lược phát triển tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 – 2025);

Căn cứ Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 – 2025);

Căn cứ Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 – 2025);

Căn cứ Quyết định số 609-QĐ/TU ngày 16/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiện toàn Ban Chủ nhiệm thực hiện Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng;

Căn cứ Kết luận số 358-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng và nội tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 01/7/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển GTVT tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới GTVT tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025, định hướng phát triển đến năm 2030;



Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 64/TTr-SGTVT ngày 22/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng và nội tỉnh (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- LĐVP, phòng: KT, TH;
- Trung tâm CN TT&TT;
- Lưu: VT_(TH-GT15).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền



ĐỀ ÁN

Phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng và nội tỉnh
(Kèm theo Quyết định số ~~1924~~ **1924/QĐ-UBND** ngày ~~17~~ **17/10/2022**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 15/9/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về Tầm nhìn chiến lược phát triển tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 – 2025);

Căn cứ Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 – 2025);

Căn cứ Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 – 2025);

Căn cứ Quyết định số 609-QĐ/TU ngày 16/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Bình Phước về kiện toàn Ban Chủ nhiệm thực hiện Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng;

Căn cứ Kết luận số 221-KL/TU ngày 22/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Bình Phước tại phiên họp thứ 09/2022;

Căn cứ Kết luận số 358-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Bình Phước về phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng và nội tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển GTVT tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới GTVT tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025, định hướng phát triển đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 01/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Phê duyệt đề án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về Thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 351-KH/BCN ngày 23/11/2021 của Ban Chủ nhiệm thực hiện Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng về kế hoạch công tác của Ban Chủ nhiệm thực hiện Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng.

PHẦN II: SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN



Bình Phước là cửa ngõ của vùng Tây Nguyên và giáp ranh Vương quốc Campuchia, là giao điểm của các tuyến đường giao thông huyết mạch của Quốc gia như Quốc lộ 13, Quốc lộ 14. Phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai, phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Campuchia, phía Nam giáp tỉnh Bình Dương và phía Bắc giáp tỉnh Đắk

Nông và Campuchia, có chiều dài biên giới khoảng 260 Km với Campuchia. Với vị trí địa lý trên, Bình Phước có nhiều điều kiện để phát triển hạ tầng giao thông nhằm tăng khả năng vận tải nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng và quốc tế.

Nhằm phát huy được những lợi thế về vị trí địa lý và liên kết vùng, trong những năm qua, ngành Giao thông vận tải (GTVT) của tỉnh đã được Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy (TU) - Hội đồng nhân dân (HĐND) - Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh quan tâm đầu tư rất nhiều vào việc nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, tăng khả năng kết nối và làm động lực để phát triển Kinh tế xã hội (KTXH) của tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh đã nhựa hóa được khoảng 64,17% các tuyến đường giao thông; trong đó, các tuyến đường tỉnh lộ (ĐT) và quốc lộ (QL) nhựa hóa 100%, đường huyện nhựa hóa 64,65%, đường đô thị nhựa hóa 81,92% và đường xã nhựa hóa được 64,41%, đường chuyên dùng nhựa hóa 25,45%. Bên cạnh đó, rất nhiều dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh cũng đang được triển khai đầu tư như dự án: Nâng cấp mở rộng QL.13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư; Nâng cấp, mở rộng ĐT.741 đoạn Bàu Tru – Phước Long; Xây dựng đường giao thông phía Tây QL.13, kết nối huyện Chơn Thành - cửa khẩu quốc tế Hoa Lư; Nâng cấp, mở rộng ĐT.756, ĐT.751; Xây dựng đường Đồng Phú – Bình Dương;

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, đòi hỏi cần phải tiếp tục tăng cường triển khai các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông theo quy hoạch đã được duyệt. Trên cơ sở Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh về Thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, việc ban hành Đề án phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng và nội tỉnh nhằm đánh giá tổng thể mạng lưới hạ tầng giao thông của tỉnh, sắp xếp lại nhu cầu, thứ tự ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 và trong giai đoạn tiếp theo phù hợp với tình hình mới là hết sức cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc sắp xếp, cân đối bố trí nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

PHẦN III: HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG GIAO THÔNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. Hiện trạng hệ thống giao thông của tỉnh

1. Hiện trạng hạ tầng giao thông đường bộ

Theo kết quả thống kê đến hết năm 2021, trên địa bàn tỉnh Bình Phước có 3 tuyến Quốc lộ, 15 tuyến đường tỉnh, 135 tuyến đường huyện, 325 tuyến đường đô thị, 2.135 tuyến đường xã, 241 tuyến đường chuyên dùng và tuyến đường tuần tra biên giới. Tỷ lệ nhựa hóa chung đã đạt mức 64,17%.



Bảng 1-1: Hiện trạng giao thông đường bộ (đến hết năm 2021)

STT	Loại đường	C. dài (Km)	Số tuyến	Kết cấu mặt đường				Tỷ lệ nhựa hóa
				BTXM	BTN	Láng nhựa	CPSĐ + Đất	
1	Quốc lộ	239,83	3		196,83	43		100%
2	Đường tỉnh	544,1	15	1,4	419,1	123,6		100%
3	Đường huyện	1.021,61	135	19,73	121,77	518,95	361,16	64,65%
4	Đường đô thị	419,85	325	10,55	186,06	147,33	75,91	81,92%
5	Đường xã	5.577,91	2.135	2.695,21	35,54	862,11	1.985,05	64,41%
6	Đường chuyên dùng	1.125,41	241	68,79	1,46	216,18	838,97	25,45%
7	Đường TTBG	174	1	174				100%
	Tổng cộng	9.102,71	2.855	2.969,68	960,76	1.911,17	3.261,1	64,17%

1.1. Hệ thống các tuyến đường liên kết vùng, đối ngoại của tỉnh

1.1.1. Hệ thống đường quốc lộ

Trên toàn địa bàn tỉnh có 3 tuyến quốc lộ là QL.13, QL.14 và QL.14C với tổng chiều dài là 239,83Km. Đây đều là những tuyến đường huyết mạch đóng vai trò rất quan trọng trong việc kết nối tỉnh Bình Phước với các tỉnh, thành phố trong vùng và kết nối quốc tế qua Campuchia.

a) Tuyến Quốc lộ 13

Đoạn đi qua địa bàn tỉnh Bình Phước có điểm đầu tại cầu Tham Rót (ranh tỉnh Bình Dương), đi theo hướng Bắc qua các huyện Chơn Thành, Hớn Quản, thị xã Bình Long, huyện Lộc Ninh và điểm cuối tại Cửa khẩu quốc tế Hoa Lư. Tuyến có chiều dài 79,6Km, trong đó có 67Km đường bê tông nhựa (BTN) và 12,6Km đường láng nhựa đang được nâng cấp mở rộng lên mặt đường BTN, đạt tiêu chuẩn cấp III, mặt đường sau khi nâng cấp toàn tuyến đạt bề rộng từ 19-25m. Đây là tuyến giao thông huyết mạch quan trọng bậc nhất của tỉnh nhằm kết nối giữa tỉnh Bình Phước với tỉnh Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng Kinh tế trọng điểm Phía Nam.

b) Tuyến Quốc lộ 14, đường Hồ Chí Minh

Đoạn qua địa bàn tỉnh dài 117,23Km, điểm đầu tại ranh tỉnh Đắk Nông (Km 887+250), đi theo hướng Đông Bắc - Tây Nam qua thị trấn Đức Phong huyện Bù Đăng, trung tâm thành phố Đồng Xoài và kết thúc tại điểm giao với ĐT.751 tại ngã ba Mũi Tàu, huyện Chơn Thành (Km994+200) và đi theo đường Hồ Chí Minh đến Cầu Vượt QL.13. Tuyến quanh co đèo dốc, có nhiều đoạn độ dốc lớn 10%, đạt tiêu chuẩn cấp III, IV, mặt đường BTN rộng 11-34m, nền 12-46m. Đây là tuyến giao thông huyết mạch của tỉnh nhằm kết nối giữa tỉnh Bình Phước với các tỉnh khu vực Tây Nguyên và các tỉnh khu vực Miền Tây Nam Bộ.

c) Tuyến Quốc lộ 14C

Theo quy hoạch tuyến QL.14C đoạn đi qua địa bàn tỉnh Bình Phước có chiều dài khoảng 131,1Km, (trong đó đã được Bộ GTVT nâng cấp 43Km, bắt đầu từ giáp ranh tỉnh Đắk Nông (Km413+261), đi qua Vườn quốc gia Bù Gia Mập đến giao với đường Gerbert), đoạn còn lại chưa được nâng cấp, tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, mặt đường láng nhựa rộng từ 4,5 – 9m. Tuyến sau khi được đầu tư nâng cấp hoàn chỉnh sẽ kết nối giữa tỉnh Bình Phước với tỉnh Đắk Nông, khu vực Tây Nguyên, với các tỉnh Tây Ninh, Long An và các tỉnh khu vực Miền Tây Nam Bộ.

1.1.2. Hệ thống đường tỉnh

Theo thống kê, trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện có tất cả 15 tuyến đường tỉnh với tổng chiều dài là 544,1Km, tỷ lệ nhựa hóa đạt 100%.

Trong đó, một số tuyến đường tỉnh đóng vai trò là tuyến đường đối ngoại quan trọng của tỉnh nhằm kết nối giao thương giữa tỉnh Bình Phước với các tỉnh, thành phố lân cận trong khu vực, cụ thể:

- Tuyến ĐT.741: Được đánh giá là tuyến đường quan trọng bậc nhất trong mạng lưới đường tỉnh, tuyến dài 88,65Km, có hướng tuyến gần như song song với QL.13, kết nối trung tâm tỉnh với huyện Đồng Phú, Bù Gia Mập, Phú Riềng, thị xã Phước Long và là tuyến đường ngắn nhất kết nối về tỉnh Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

- Tuyến ĐT.751: Có chiều dài 15,08Km, tuyến kết nối với tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh qua cầu Bà Và.

- Tuyến ĐT.752: Có chiều dài 17,6Km, tuyến kết nối với tỉnh Tây Ninh qua cầu Sài Gòn.

- Tuyến ĐT.753: Có chiều dài 29,4Km, sau khi thực hiện đầu tư khôi phục lại cầu Mã Đà, tuyến sẽ kết nối với tỉnh Đồng Nai và là tuyến đường ngắn nhất từ tỉnh Bình Phước đi Sân bay Quốc tế Long Thành, cảng Cái Mép – Thị Vải (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

- Tuyến ĐT.754 và ĐT.754B: Có tổng chiều dài 22,17Km, tuyến kết nối với tỉnh Tây Ninh qua cầu Sài Gòn 2.

- Tuyến ĐT.755B: Có chiều dài 33,6Km, tuyến kết nối với tỉnh Lâm Đồng qua cầu Phước Cát và cầu Vĩnh Ninh.

1.2. Hệ thống các tuyến đường nội tỉnh

1.2.1. Hệ thống đường tỉnh

Ngoài 07 tuyến đường tỉnh đóng vai trò là tuyến đường đối ngoại quan trọng của tỉnh nhằm kết nối giao thương giữa tỉnh Bình Phước với các tỉnh, thành phố lân cận trong khu vực, trên địa bàn tỉnh còn có 08 tuyến đường tỉnh như: ĐT.755, ĐT.756, ĐT.756C, ĐT.757, ĐT.758, ĐT.759, ĐT.759B, ĐT.760 đóng vai trò là các tuyến đường liên kết giữa các vùng huyện trong tỉnh.

Đồng thời, theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 05 tuyến đường quy hoạch từ các tuyến đường huyện đủ điều kiện chuyển thành đường tỉnh với tổng chiều dài 97,13Km. Dự kiến sau khi nâng cấp sẽ nâng tổng số đường tỉnh lên 20 tuyến, với tổng chiều dài là 641,23Km.

Bảng 1-2: Hiện trạng hệ thống đường tỉnh

TT	Tên đường	Chiều dài (km)	Bề rộng mặt đường (m)/nền đường	Kết cấu mặt đường			
				BTXM	BTN	Láng nhựa	Loại khác
I	Các tuyến ĐT hiện hữu	544,1		1,4	419,1	123,6	
1	ĐT.741	88,65	(6-26)m/(9-33)m		68,53	20,12	
2	ĐT.751	15,08	(11-18)m/24m		15,08		

TT	Tên đường	Chiều dài (km)	Bề rộng mặt đường (m)/nền đường	Kết cấu mặt đường			
				BTXM	BTN	Láng nhựa	Loại khác
3	ĐT.752	17,6	(6-20)m/(9-32)m		17,6		
4	ĐT.753	29,4	(7-9)m/12m		9,02	20,39	
5	ĐT.754	12,25	(6-7)m/(9-12)m		12,25		
6	ĐT.754B	9,92	7m/12m		9,92		
7	ĐT.755	37,86	(4,5-9)m/(6,5-		37,86		
8	ĐT.755B	33,6	6m/9m		33,60		
9	ĐT.756	50,33	9m/12m		50,33		
10	ĐT.756C	35,9	6m/9m		24,4	11,5	
11	ĐT.757	35,97	(6-12)m/(9-22)m	1,40	1,37	33,20	
12	ĐT.758	36,9	(6-9)m/(9-12)m		36,9		
13	ĐT.759	49,0	(6-19)m/(9-28)m		49,0		
14	ĐT.759B	40,50	(6-25)m/(9-45)m		38,75	1,75	
15	ĐT.760	51,15	(6-9)m/(9-12)m	-	14,50	36,65	
II	Theo Quy hoạch Các tuyến ĐH đủ điều kiện chuyển thành ĐT	97,13			47,13	50,0	
1	ĐT.752B	9,73	38m/64m		9,73		
2	ĐT.752C	17,6	(6-38)m/(9-64)m		4	13,6	
3	ĐT.753B	36,5	(6-10)m/(9-12)m		19,2	17,3	
4	ĐT.756B	17,3	(6-10)m/(9-12)m		14,2	3,1	
5	ĐT.760 nối dài	16	6m/9m			16	
Tổng (I+II)		641,23		1,40	466,23	173,6	

1.2.2. Hệ thống đường huyện

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện có 135 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 1021,61Km, tỷ lệ nhựa hóa đạt 64,65%. Nhìn chung, hệ thống đường huyện đã kết nối được từ huyện lỵ đến các trung tâm các xã. Tuy nhiên, hiện vẫn còn rất nhiều tuyến có mặt đường cấp phối, chất lượng xấu, ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân.

1.2.3. Hệ thống đường đô thị

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện có 325 tuyến đường đô thị (thuộc địa bàn các thị trấn, các phường), với tổng chiều dài 419,85Km, tỷ lệ nhựa hóa đạt 81,92%.

1.2.4. Hệ thống đường xã

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện có 2.135 tuyến đường xã, với tổng chiều dài 5.577,91Km, tỷ lệ nhựa hóa đạt 64,41%.

1.2.5. Hệ thống đường chuyên dùng

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện có 241 tuyến đường chuyên dùng, chủ yếu của các Công ty cao su, với tổng chiều dài 1.125,41Km, tỷ lệ nhựa hóa đạt 25,45%.

1.2.6. Hệ thống đường Tuần tra biên giới

Tuyến đường tuần tra biên giới đoạn qua địa bàn tỉnh dài 174Km đã được Bộ Quốc phòng đầu tư xây dựng hoàn thành năm 2020 bằng mặt đường BTXM, với bề rộng mặt đường 3,5 – 4m.

2. Hiện trạng hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 03 hệ thống sông lớn gồm: Sông Đồng Nai, sông Bé, sông Sài Gòn; tuy nhiên, do các dòng sông, suối quanh co, nước chảy siết, cùng với việc xây dựng các đập thủy điện, thủy lợi nên đã ảnh hưởng đến việc quy hoạch và phát triển hạ tầng giao thông đường thủy nội địa. Đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Phước không sử dụng phương tiện đường thủy để vận chuyển hàng hóa hay hành khách. Ngoài hệ thống các sông lớn trên, tỉnh Bình Phước có nhiều khu vực có diện tích lòng hồ lớn như: Hồ Thác Mơ, hồ Cần Đơn, hồ Srok Phú Miêng, hồ Phước Hòa, hồ Suối Giai...có tiềm năng khai thác các kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy, đường thủy nội địa, các loại hình dịch vụ phát triển du lịch đường thủy....



3. Hiện trạng hạ tầng giao thông đường sắt: Trên địa bàn tỉnh Bình Phước chưa có hạ tầng giao thông đường sắt.

4. Hiện trạng hạ tầng giao thông đường hàng không: Trên địa bàn tỉnh Bình Phước chưa có hạ tầng giao thông đường hàng không.

II. Nhận xét, đánh giá

1. Đánh giá chung

- Theo Quy hoạch tổng thể GTVT tỉnh Bình Phước lập năm 2014 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014, quy hoạch mạng lưới hạ tầng giao thông đường bộ đến năm 2020 gồm có 3 tuyến Quốc lộ với tổng chiều dài là 359,7Km, 20 tuyến đường tỉnh với tổng chiều dài 617,6Km và 161 tuyến đường huyện có tổng chiều dài 1.522,4Km. Theo kết quả thống kê đến hết năm 2021, trên địa bàn tỉnh Bình Phước có 3 tuyến Quốc lộ dài 239,83Km, 15 tuyến đường tỉnh dài 544,1Km, 135 tuyến đường huyện dài

1.021,61Km. Như vậy, nếu chỉ xét đến chỉ tiêu số lượng tuyến đường và tổng số Km đường đầu tư mới và mở rộng thì tất cả các chỉ tiêu đề ra trong quy hoạch năm 2014 vẫn chưa hoàn thành.

- Tuy nhiên việc phát triển hệ thống giao thông trong thời gian qua cơ bản đảm bảo phù hợp với Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; đảm bảo giao thông luôn thông suốt giữa các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, giữa các tỉnh trong khu vực đảm bảo cho phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh; đồng thời, cơ bản đáp ứng tiến độ đề ra trong từng giai đoạn của quy hoạch.

2. Điểm mạnh

- Tỉnh Bình Phước có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh trong khu vực, nằm trên hành lang chuyển tiếp giữa Khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ; trong đó, ngành Giao thông vận tải luôn đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giao thông là cơ sở hạ tầng quan trọng nhất đảm bảo lưu thông hàng hoá, giao lưu văn hoá và phục vụ các nhu cầu an ninh, quốc phòng góp phần tích cực trong công cuộc xây dựng và phát triển của tỉnh nói riêng và của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung.

- Trong những năm qua, hệ thống GTVT trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được chú trọng đầu tư, góp phần phát triển KTXH. Tỉnh đã có sự tập trung phần lớn nguồn ngân sách xây dựng cơ bản, vay ngân hàng lãi suất thấp, đầu tư theo hình thức BOT, huy động vốn từ trong dân và các doanh nghiệp để sửa chữa, nâng cấp, làm mới nhiều tuyến đường trọng yếu phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng. Xây dựng mới các tuyến đường đi vào trung tâm các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân và lưu thông hàng hóa, đến nay tất cả các xã đã có đường ô tô đến được trung tâm xã.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Một số trục giao thông quan trọng như QL.13, QL.14, ĐT.741, ĐT.751, ĐT.754B, ĐT.755B... nối tỉnh Bình Phước với các tỉnh lân cận như Bình Dương, Đắk Nông, Tây Ninh, Lâm Đồng và nước bạn Campuchia đã và đang được đầu tư.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh đã có những chuyển biến rõ nét, nhiều công trình lớn, hiện đại đã được đưa vào khai thác sử dụng. Việc tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông có trọng tâm, trọng điểm đã góp phần bảo đảm kết nối giao thương giữa các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, giữa tỉnh Bình Phước với các tỉnh thành trong cả nước, góp phần thu hút, kêu gọi đầu tư vào các Khu, Cụm công nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển KTXH, đảm bảo ANQP trên địa bàn tỉnh nói chung.



- Công tác bảo trì hệ thống đường trên địa bàn tỉnh được các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành chủ động triển khai sử dụng một cách có hiệu quả, bài bản, tiết kiệm, phát huy hiệu quả nguồn vốn, hướng tới những giải pháp duy trì và kéo dài tuổi thọ công trình, góp phần đảm bảo an toàn giao thông và nhanh chóng khôi phục kết cấu hạ tầng giao thông, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân.

- Lãnh đạo tỉnh rất quan tâm phối hợp triển khai đầu tư đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước), cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành, đường Hồ Chí Minh, đường ĐT.753 nhằm kết nối giao thông với sân bay quốc tế Long Thành, cảng Cái Mép – Thị Vải.

- Một số định hướng phát triển giao thông đối ngoại của tỉnh hiện nay đều đã được cụ thể hóa trong quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh.

3. Điểm yếu

- Với xuất phát điểm thấp, hệ thống đường giao thông trước đây chưa được đầu tư và quan tâm đúng mức, các tuyến trục giao thông dọc, chiến lược và đối ngoại chính có chất lượng khá tốt nhưng các trục ngang, giao thông đối nội chất lượng xấu, giao thông nông thôn còn chậm phát triển.

- Với đặc thù địa hình đồi núi nên có rất nhiều tuyến đường có hướng tuyến quanh co, bán kính cong nhỏ, suất đầu tư xây dựng công trình giao thông cao.

- Hạ tầng giao thông đang dần đáp ứng được nhu cầu phát triển của tỉnh; tuy nhiên, hạ tầng không gần các cảng biển, sân bay, chưa có các tuyến đường cao tốc kết nối vùng.

- Hệ thống giao thông chỉ có đường bộ, chưa phát triển được các hình thức vận tải khác như đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng không trong khi khả năng kết nối đến sân bay, cảng biển còn rất hạn chế.

- Công trình cần đầu tư nhiều nhưng thiếu vốn, khả năng huy động vốn vẫn còn thấp.

- Hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư nhìn chung chưa đạt yêu cầu, việc bố trí vốn đầu tư còn dàn trải và triển khai cùng lúc nhiều công trình, thời gian thi công kéo dài nên hiệu quả phát huy còn chậm.

- Hệ thống giao thông còn hạn chế, những kết quả thực hiện chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và một số các công trình đang có dấu hiệu xuống cấp.

- Vốn dành cho công tác duy tu, sửa chữa định kỳ hàng năm tuy đã có sự chuyển biến tích cực, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu.

4. Cơ hội

- Mạng lưới hạ tầng giao thông còn kém phát triển là một trong những thách thức lớn tuy nhiên với quỹ đất khá dồi dào, đây cũng chính là cơ hội để quy hoạch

và xây dựng một mạng lưới giao thông hoàn thiện hơn, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Hạ tầng giao thông nội tỉnh luôn được quan tâm đầu tư, tạo cơ hội kết nối hoàn thiện, lưu thông thuận lợi giữa các huyện, thị xã, thành phố, giữa các vùng nguyên liệu với các khu vực tiêu thụ chế biến, giữa các khu, cụm công nghiệp.... tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội đồng đều cho các vùng trên địa bàn tỉnh.

- Sự phát triển nhanh, mạnh của các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ; sự hình thành và phát triển nhanh các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư sẽ là cơ hội để thúc đẩy phát triển các dự án về hạ tầng giao thông kết nối.

5. Thách thức

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho giao thông còn rất nhiều hạn chế.

- Việc xây dựng các hành lang kết nối với sân bay và cảng quốc tế cần phải có sự ủng hộ, phối hợp với các địa phương lân cận trong công tác triển khai đầu tư xây dựng.

- Mật độ mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông vẫn chưa đồng đều, đặc biệt là các huyện như Bù Gia Mập, Bù Đăng, Bù Đốp có mật độ thấp, dẫn đến việc thiếu khả năng kết nối và động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội.

PHẦN IV: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG GIAO THÔNG KẾT NỐI VÙNG VÀ NỘI TỈNH.

I. Bối cảnh

Tỉnh Bình Phước là một tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam, gồm: Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang với hạt nhân trung tâm là thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một khu vực phát triển năng động bậc nhất của cả nước, tập trung rất nhiều phương thức vận tải như hàng không, hệ thống đường thủy, cảng biển, hàng hải, đường sắt; đồng thời, là cửa ngõ kết nối các tỉnh Khu vực Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ, tỉnh Bình Phước có điều kiện nhất định để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư.

Với tốc độ phát triển đô thị hóa nhanh, mạnh của cả vùng Đông Nam Bộ trong thời gian qua dẫn đến quỹ đất của các tỉnh, thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương ngày càng hạn hẹp, hạ tầng giao thông ngày càng tắc nghẽn, các doanh nghiệp dần chuyển hướng đầu tư về các tỉnh khu vực vùng ven, trong đó có tỉnh Bình Phước.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển KTXH của cả nước nói chung và của tỉnh Bình Phước nói riêng, các địa phương trong đó có tỉnh Bình Phước phải thực hiện cắt giảm chi ngân sách cho đầu tư

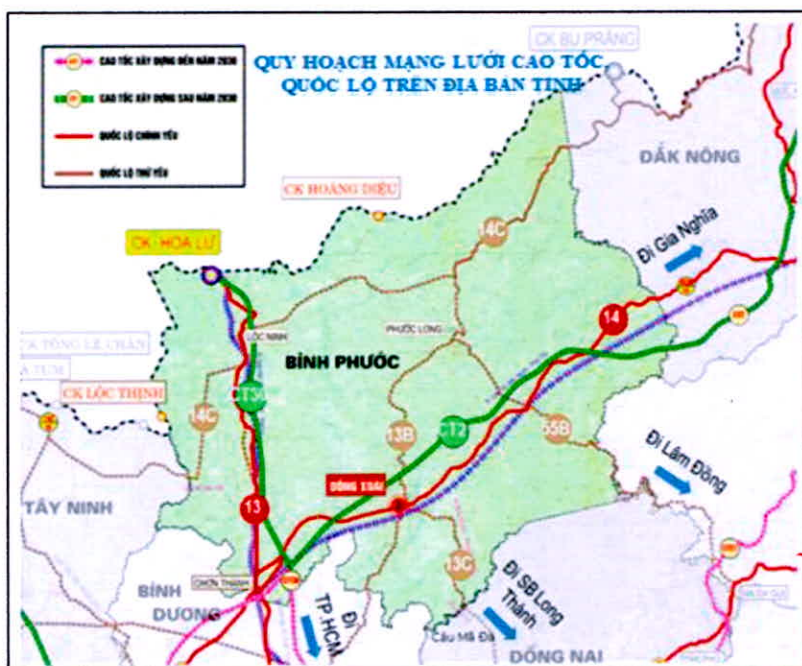
công nhằm tập trung nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch nên đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác đầu tư xây dựng, nâng cấp mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, với sự quan tâm, ủng hộ, chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự ủng hộ của các Bộ ngành Trung ương, sự quyết tâm của Tỉnh ủy-HĐND-UBND tỉnh trong tập trung nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông kết nối vùng và nội tỉnh nhằm tạo các tiền đề thuận lợi nhất trong thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

II. Các Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông của Quốc gia tác động đến quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng và nội tỉnh

1. Quy hoạch mạng lưới cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh

Theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021, trên địa bàn tỉnh Bình Phước được quy hoạch với 2 đường cao tốc mới, nâng cấp các tuyến đường QL.13, QL.14 hiện hữu, và nâng cấp các tuyến đường tỉnh lộ thành các đường quốc lộ thứ yếu gồm QL.13B, QL.13C, QL.14C và QL.55B.

Các tuyến đường cao tốc và quốc lộ sau khi hình thành sẽ giúp tăng cường kết nối liên vùng giữa Bình Phước và các tỉnh lân cận trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và khu vực Tây Nguyên. Trong đó, tuyến cao tốc CT.30 và tuyến CT.02 kỳ vọng rút ngắn thời gian di chuyển giữa Bình Phước với TP.HCM, tuyến QL.13C mở ra hành lang giao thông đi qua tỉnh Đồng Nai kết nối với sân bay Long Thành và khu vực cảng Cái Mép – Thị Vải, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

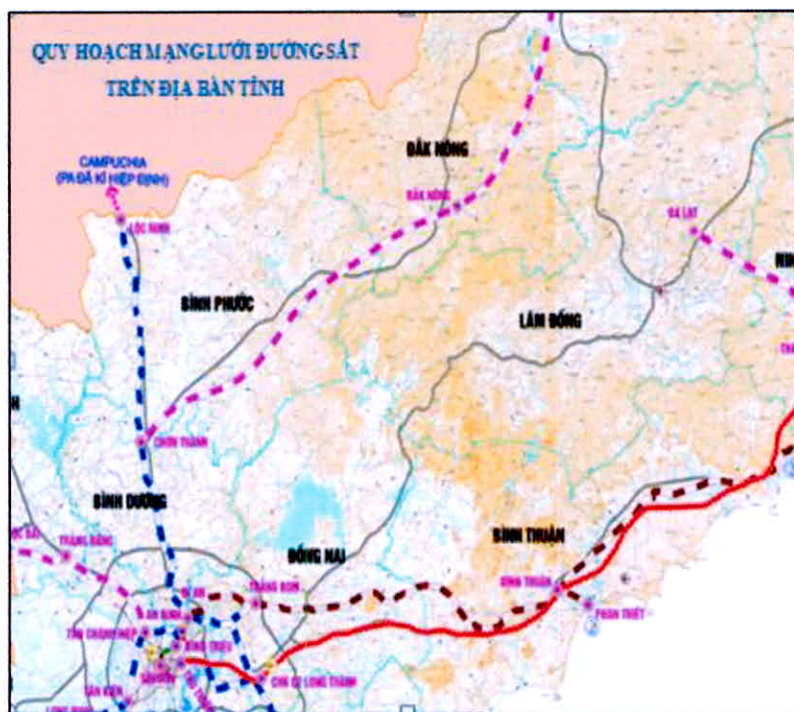


Cụ thể chi tiết thể hiện ở bảng sau:

TT	Tên tuyến	Quy mô	Chức năng	
			Kết nối liên tỉnh	Kết nối trung tâm huyện/thị
A	Đường Cao tốc xây mới			
1	CT.30 (TP.HCM - Chơn Thành – Hoa Lư)	6-8 làn xe	Campuchia - Bình Phước – Bình Dương – TP. HCM	Lộc Ninh – Bình Long – Hớn Quản – Chơn Thành
2	CT.02 (Bắc Nam phía Tây)	6-8 làn xe	Đăk Nông – Bình Phước - Tây Ninh	Bù Đăng, Đồng Xoài – Chơn Thành
B	Đường Quốc lộ chính yếu nâng cấp			
1	Quốc lộ 14	6 làn xe	Đăk Nông – Bình Phước	Bù Đăng, Đồng Xoài – Chơn Thành
2	Quốc lộ 13	6 làn xe	Campuchia - Bình Phước – Bình Dương - HCM	Lộc Ninh – Bình Long – Hớn Quản – Chơn Thành
C	Đường Quốc lộ thứ yếu			
1	Quốc lộ 14C (nâng cấp ĐT.741, ĐT.759B)	Cấp IV	Đăk Nông - Bình Phước – Tây Ninh – Long An	Bù Gia Mập – Phước Long – Bù Đốp – Lộc Ninh
2	Quốc lộ 13B (nâng cấp ĐT.741)	Cấp III	Đăk Nông - Bình Phước – Bình Dương	Bù Gia Mập – Phước Long – Bù Nho – Đồng Xoài – Đồng Phú
3	Quốc lộ 13C (nâng cấp ĐT.753)	Cấp IV	Bình Phước – Đồng Nai – Sân bay Long Thành	
4	Quốc lộ 55B (nâng cấp ĐT.755B)	Cấp IV	Bình Phước – Lâm Đồng	Phước Long – Phú Riềng – Bù Đăng

2. Quy hoạch mạng lưới đường sắt trên địa bàn tỉnh

Theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021, trên địa bàn Bình Phước có hai tuyến đường sắt được quy hoạch gồm tuyến đường sắt Dĩ An - Lộc Ninh và tuyến đường sắt Chơn Thành - Đăk Nông.



Các tuyến đường sắt quốc gia trên địa bàn tỉnh sau khi được đầu tư xây dựng sẽ hình thành một phương thức vận tải mới, chia sẻ cho loại hình vận tải đường bộ ngày càng bị quá tải, tắc nghẽn.

III. Quan điểm, mục tiêu phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng và nội tỉnh

1. Quan điểm

- Một là, Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông phải **“đi trước một bước”** theo hướng **“đồng bộ, hiện đại và hiệu quả”**. Trong đó, các tuyến đường kết nối vùng, kết nối nội tỉnh là rất quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển KTXH của tỉnh.

- Hai là, Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành bạn trong việc triển khai thực hiện các dự án giao thông trọng điểm, tăng cường kết nối với các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Ba là, Phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, phù hợp với các mục tiêu, định hướng phát triển tổng thể KTXH của tỉnh, đảm bảo tích hợp hiệu quả với các hệ thống cơ sở hạ tầng khác của địa phương, khu vực và cả nước đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Bốn là, Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông cân đối đồng đều giữa mục tiêu phát triển kinh tế và mục tiêu đảm bảo công bằng xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, an ninh biên giới nhằm phát triển kinh tế được thuận lợi và ổn định.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Ưu tiên phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng, kết nối nội tỉnh, đặc biệt là các trục giao thông kết nối giữa ba trung tâm tạo động lực gồm: Thành phố

IV. Kế hoạch phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng và nội tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Trên cơ sở Quy hoạch các tuyến cao tốc, quốc lộ, hiện trạng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Phước, dự kiến trong giai đoạn năm 2021-2025, thực hiện một số dự án như sau:

1. Danh mục các dự án dự kiến đầu tư và nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025

a) Tổng số dự án:	34 dự án.
+ Ưu tiên 1:	20 dự án.
+ Ưu tiên 2:	07 dự án.
+ Ưu tiên 3:	07 dự án.
b) Tổng nhu cầu sử dụng đất:	Khoảng 3.123ha.

(Có Phụ lục 01 kèm theo)

2. Nhu cầu vốn và phân kỳ vốn đầu tư trong giai đoạn 2021-2025

Tổng nhu cầu vốn:	16.638,5 tỷ đồng.
Trong đó:	
- Vốn Ngân sách trung ương:	2.443,4 tỷ đồng.
- Vốn Ngân sách tỉnh:	14.195,1 tỷ đồng.

(Có Phụ lục 02 kèm theo)

PHẦN V: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng giao thông

- Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh thành lân cận trong quá trình triển khai các dự án giao thông trọng điểm của Quốc gia; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của Trung ương hỗ trợ, vốn Trái phiếu Chính phủ, vốn ODA, ...

- Kêu gọi đầu tư theo hình thức PPP (hình thức BOT có sử dụng vốn đầu tư công hỗ trợ thực hiện dự án) đối với một số tuyến đường đối ngoại, đối nội quan trọng của tỉnh.

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện đầu tư hạ tầng giao thông theo thứ tự ưu tiên và nguồn vốn để thực hiện sửa chữa định kỳ các tuyến đường tỉnh hiện hữu nhằm nâng cao tuổi thọ khai thác, đáp ứng nhu cầu lưu thông.



Đồng Xoài, huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú; ba vùng đô thị có sức lan tỏa của tỉnh gồm: Thành phố Đồng Xoài, thị xã Bình Long và thị xã Phước Long và các trung tâm kinh tế khác của tỉnh.

- Phát triển hệ thống giao thông kết nối giữa các trục động lực phát triển của tỉnh như: (1) Trục động lực phát triển dọc theo tuyến QL.14 kết nối Bù Đăng – Đồng Xoài – Chơn Thành; (2) Trục động lực phát triển dọc theo tuyến QL.13, gắn kết Hoa Lư – Lộc Ninh – Bình Long – Hớn Quản – Chơn Thành; (3) Trục động lực phát triển dọc theo tuyến ĐT.741 dự kiến được nâng cấp thành tuyến QL.13B và một phần tuyến QL.14C, gắn kết Bù Gia Mập – Phước Long – Phú Riêng – Đồng Xoài – Đồng Phú; (4) Hành lang an sinh dọc theo tuyến ĐT.759B (Lộc Tấn – Bù Đốp), tuyến ĐT.759 và tuyến ĐT.755B dự kiến được nâng cấp thành QL.55B, nhằm gắn kết các huyện khu vực biên giới như Lộc Ninh, Bù Đốp với các huyện, thị còn lại của tỉnh như: Phước Long, Phú Riêng, Đồng Xoài, Bù Đăng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Đến năm 2025

- Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương và UBND các tỉnh Đắk Nông, Bình Dương, Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh trong triển khai thực hiện đầu tư các tuyến đường liên kết vùng quan trọng như: dự án cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành; cao tốc Bắc Nam phía Tây đoạn Đắk Nông – Chơn Thành, đoạn Chơn Thành – Đức Hòa (tỉnh Long An); Tuyến ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với tỉnh Đồng Nai, sân bay quốc tế Long Thành, cảng Cái Mép – Thị Vải (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu); Tuyến đường phía Tây QL.13 kết nối Chơn Thành – Hoa Lư và kết nối với đường Trục chính KCN Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đến đường Mỹ Phước – Tân Vạn; Tuyến đường Đồng Phú – Bình Dương kết nối với tuyến đường Tạo lực Bắc Tân Uyên – Phú Giáo – Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đến đường Vành đai 4.

- Triển khai đầu tư nâng cấp, mở mới một số tuyến đường kết nối nội tỉnh như: ĐT.752, đường từ Trung tâm hành chính huyện Hớn Quản kết nối QL.14 (xã Nha Bích, huyện Chơn Thành), ĐT.758, QL.14 đoạn Đồng Xoài – Chơn Thành, Đồng Phú – Chơn Thành, tuyến đường Minh Lập (Chơn Thành) – Bù Nho (Phú Riêng) ...

- Tiếp tục duy tu sửa chữa nhằm nâng cao khả năng khai thác của các tuyến đường đối ngoại, liên kết vùng và nội tỉnh hiện hữu như: QL.13, QL.14, QL.14C, ĐT.741, ĐT.751, ĐT.752, ĐT.752B, ĐT.752C, ĐT.754, ĐT.754B, ĐT.755, ĐT.755B, ĐT.757, ĐT.759, ĐT.759B, ĐT.760...

2.2.2. Đến năm 2030

- Tập trung cơ bản hoàn thiện tất cả các tuyến đường đối ngoại, liên kết vùng và nội tỉnh còn lại theo đúng quy hoạch.

2. Về Giải phóng mặt bằng

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất, vật kiến trúc, cây trồng theo cơ chế nhà nước và nhân dân cùng làm để góp phần giảm chi phí đầu tư.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách, đơn giá bồi thường tái định cư, bảng giá đất trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Về quản lý Nhà nước

- Thực hiện phân cấp mạnh mẽ thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu cho UBND cấp huyện, các chủ đầu tư; đồng thời, nghiên cứu rút ngắn thời gian, quy trình, trình tự thủ tục thực hiện dự án nhằm đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thi công xây dựng công trình giao thông.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chuyên môn trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thi công xây dựng công trình giao thông nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư.

PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Tham mưu phối hợp chặt chẽ với Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương, các tỉnh thành lân cận trong quá trình triển khai các dự án giao thông trọng điểm của Quốc gia; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của Trung ương hỗ trợ, vốn Trái phiếu Chính phủ, vốn ODA...

- Tham mưu danh mục các dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức PPP (hình thức BOT có sử dụng vốn đầu tư công hỗ trợ thực hiện dự án) đối với một số tuyến đường đối ngoại, đối nội quan trọng của tỉnh.

- Tham mưu bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện đầu tư hạ tầng giao thông theo thứ tự ưu tiên và nguồn vốn để thực hiện sửa chữa định kỳ các tuyến đường tỉnh hiện hữu nhằm nâng cao tuổi thọ khai thác đáp ứng nhu cầu lưu thông.

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

- Tham mưu triển khai các nội dung của Đề án đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và đúng định hướng phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng và nội tỉnh.

- Tham mưu phối hợp chặt chẽ với Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương, các tỉnh thành lân cận trong quá trình triển khai các dự án giao thông trọng điểm của Quốc gia; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của Trung ương hỗ trợ, vốn Trái phiếu Chính phủ, vốn ODA....

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh triển khai đầu tư xây dựng các công trình giao thông đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chuyên môn trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thi công xây dựng công trình giao thông nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư.

- Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, ưu tiên sử dụng các công nghệ mới, các loại vật liệu mới trong đầu tư xây dựng công trình giao thông.

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

- Tham mưu phân cấp mạnh mẽ thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu cho UBND cấp huyện, các chủ đầu tư; đồng thời, nghiên cứu rút ngắn thời gian, quy trình, trình tự thủ tục thực hiện dự án nhằm đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thi công xây dựng công trình giao thông.

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

4. Sở Tài nguyên môi trường có trách nhiệm:

- Tham mưu Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với thứ tự ưu tiên đầu tư theo quy định.

- Tham mưu hoàn thiện chính sách, đơn giá bồi thường, tái định cư, bảng giá đất trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đánh giá tác động môi trường các dự án theo phân cấp.

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

5. Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn có trách nhiệm:

- Tham mưu hướng dẫn trình tự, thủ tục đối với các dự án có sử dụng hoặc ảnh hưởng đến diện tích đất rừng, đất thủy lợi, đất lúa....

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

6. UBND cấp huyện, Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh có trách nhiệm:

- Triển khai đầu tư xây dựng các công trình giao thông đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất, vật kiến trúc, cây trồng theo cơ chế nhà nước và nhân dân cùng làm để góp phần giảm chi phí đầu tư.

- Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, ưu tiên sử dụng các công nghệ mới, các loại vật liệu mới trong đầu tư xây dựng công trình giao thông.

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình giao thông.

PHẦN VII: KẾT LUẬN

Đề án Phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng và nội tỉnh được xây dựng trên cơ sở Quy hoạch phát triển GTVT tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014, Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI với mục tiêu phát triển hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong tương lai.

Về giao thông đối ngoại, Đề án đã trình bày hiện trạng, quan điểm và định hướng phát triển hạ tầng giao thông như tuyến QL.13, QL.14, ĐT.741, dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một; dự án đường cao tốc Đắk Nông - Chơn Thành; đường Chơn Thành – Đức Hòa; dự án Quốc lộ 14C kết nối Đắk Nông với Bình Phước qua Tây Ninh và các tỉnh Tây Nam Bộ; dự án xây dựng cầu Mã Đà, kết nối giữa Bình Phước với Đồng Nai và Sân bay quốc tế Long Thành, cảng Cái Mép – Thị Vải, tuyến phía Tây QL.13 kết nối Chơn Thành – Hoa Lư kết nối với trục chính KCN Bàu Bàng xuống đường Mỹ Phước – Tân Vạn...; Nghiên cứu khả năng kết nối giữa tỉnh Bình Phước với các tỉnh, đặc biệt kết nối với các tỉnh trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam như Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu... là những tỉnh có nhu cầu giao lưu hàng hóa và hành khách chiếm tỷ trọng lớn, có tác động ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế của tỉnh.

Về giao thông đối nội, mạng lưới đường bộ trong tỉnh bao gồm các trục dọc, trục ngang đã kết nối được trung tâm tỉnh với các huyện thị; Nội các vùng sản xuất hàng hóa, vùng khai thác khoáng sản với các vùng tiêu thụ trong tỉnh góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế xã-hội phát triển. Bên cạnh các trục giao thông chính, mạng đường nhánh bảo đảm giao thông thông suốt từ trung tâm các huyện thị tới trung tâm xã, góp phần phát triển đồng đều hơn về kinh tế và văn hóa của khu vực nông thôn, đặc biệt các xã vùng sâu, vùng xa.

Kết cấu hạ tầng nói chung và kết cấu hạ tầng giao thông nói riêng là nền tảng vật chất có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của tỉnh Bình Phước nói riêng. Có kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối vùng, nội tỉnh đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách... thì nền kinh tế mới có điều kiện để tăng trưởng nhanh, ổn định và bền vững. Việc phát triển nhanh kết cấu hạ tầng giao thông với phương châm **“đi trước một bước”** là đòi hỏi cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, vừa nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, vừa tạo điều kiện bứt phá nhanh trong quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, góp phần thu hút, kêu gọi đầu tư vào các Khu, Cụm công nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển KTXH, đảm bảo ANQP trên địa bàn tỉnh nói chung./.

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ DỰ KIẾN QUY MÔ ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025

(Ban hành kèm theo Đề án phát triển hạ tầng giao thông kết nối vùng và nội tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tu/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Hiện trạng		Quy hoạch	Dự kiến Quy mô đầu tư				Nhu cầu sử dụng đất (ha)
							B mặt/B nền (m)	KCAĐ		B mặt/B nền (m)	B mặt/B nền (m)	KCAĐ	Khác	
TỔNG SỐ			67.936.166	-	-			-	-	-	-	-	3.123	
A	Dự án ưu tiên 1		63.446.166	-	-			-	-	-	-	-	2.316	
1	Dự án chuyên tiếp 2016-2020 chuyên qua		3.328.166	-	-			-	-	-	-	-	607	
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	387/QĐ- UBND ngày 08/2/2021	1.450.000	Km12+100 (ĐT.751)	Tiếp giáp dự án do huyện Lộc Ninh làm CDT	53,206			65m/65m	- Đoạn 1: 2 bên x7,5m = 15m/65m; - Đoạn X16: 12m/32m	Bê tông nhựa	05 cầu	325,82	
2	Nâng cấp, mở rộng QL.13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư	987/QĐ- UBND ngày 7/5/2020; 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	450.000	Ngã 3 Lộc Tấn (KM127+0 00)	Hoa Lư	12,500	6m/9m	Láng nhựa	25m/30m	19m/24m; Riêng đoạn qua KKT mặt cắt 48m	Bê tông nhựa		37,50	
3	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	2178/QĐ- UBND ngày 18/10/2019	220.000	QL.14 (Trường Chinh)	Tân Lập	17,400			32-42m	(12- 23)m/(19- 23)m	Bê tông nhựa	01 cầu	55,68	
4	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	2016/QĐ- UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ- UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ- UBND ngày 7/12/2017	495.557	Giao QL.13 Chiu Riu	Lộc Hiệp	50,3	6m/9m	Láng nhựa	42m	8-12m/10- 15m	BTN		100,60	
5	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ- UBND ngày 30/10/2019	180.000	Cầu 2, QL.14	Huyện đội Đồng Phú	11,873			42m	12m/19m	Bê tông nhựa	03 cầu	29,68	

6	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	1199/QĐ-UBND ngày 1/6/2020	282.609	Cầu Nha Bích, QL.14	các tuyến hiện hữu	5,000			24m	9m/12m	Bê tông nhựa	2 cầu	12,00
7	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bầu Nám, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bầu Nám)	2023/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	70.000	QL.14	Ranh KCN Becamex	7,1	6	BTN, đất	32m	9m/12m	Bê tông nhựa		14,20
8	Xây dựng tuyến kết nối ĐT753B với đường Đồng Phú-Bình Dương (Lam Sơn - Tân Phước)	1996/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	180.000	ĐT.755	Tân Phước	15,700			32m	9/12m	Bê tông nhựa		31,40
2	Dự án khởi công mới		60.118.000	-	-	297	-	-	-	-		-	1.709
1	Xây dựng đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)		29.888.000	Ranh tỉnh Đắk Nông	Cao tốc TPHCM-TDM-CT	101,000				4 làn xe + 2 làn dừng khẩn cấp	Bê tông nhựa		892,00
2	Xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh-Thủ Dầu Một-Chơn Thành		24.275.000	Nút giao Gò Dưa (Vành đai 2)	QL.14 (Km993+500)	7,000				4 làn xe + 2 làn dừng khẩn cấp	Bê tông nhựa		45,00
3	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	1.450.000	Đồng Xoài	Chơn Thành	23,780	11m	25m	19/30m	46/46m	Bê tông nhựa	06 cầu	109,39
4	Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa Vũng Tàu	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	655.000	Đồng Xoài	Cầu Mã Đà	29,500	6-10m	LN, BTN	42m	19/22m	Bê tông nhựa	04 cầu	88,50
5	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bầu Bàng	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021; 1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	440.000	Km12+100 (ĐT.751)	Ranh Bình Dương	5,280			65/65m	65/65m	Bê tông nhựa	Đầu tư hoàn chỉnh	34,32
6	Dự án đường Đồng Phú - Bình Dương	848/QĐ-UBND ngày 14/4/2016	1.480.000	QL,14	Ranh tỉnh Bình Dương	41,462			64/64m	2 tuyến (11m/15m)	Bê tông nhựa	08 cầu	265,36
7	Xây dựng đường kết nối Hôn Quán ra QL,14 (Nha Bích, huyện Chơn Thành)		500.000	Tiếp giáp dự án Hôn Quán (ĐT.756C)	QL.14 (xã Nha Bích, huyện Chơn Thành)	10,000				42m	Bê tông nhựa	01 cầu	42,00



8	Xây dựng Đường kết nối ngang QL 14 với tuyến ĐT755 nối ĐT753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	QL,14 (Km9)	ĐT,755	14,471	3,5m	Sỏi đỏ	32-42m	9/12m	Bê tông nhựa		21,71
9	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	150.000	Km5+400, ĐT.752	Cầu Sài Gòn 1	11,200	6/9m	Bê tông nhựa	42m	12-32m/32m	#REF!		35,84
10	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chò qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	80.000	Cầu Thác Mệ	QL.14C	9,905	9/12m	Láng nhựa	42m	9/12m	Bê tông nhựa		19,81
11	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối QL14 (Giai đoạn 1: Đường Hồ Xuân Hương)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	100.000	ĐT.741	Đ. Trường Chinh	6,5	18/32m	Bê tông nhựa	32m	18/32m	Bê tông nhựa		
12	Xây dựng đường kết nối từ Minh Lập (Chơn Thành) đi Bù Nho (Phú Riềng)		1.000.000	ĐT.741 (Bù Nho)	Cao tốc Đăk Nông - Chơn Thành (Minh Lập)	37,0			42m	15/42m	Bê tông nhựa		155
B	Dự án ưu tiên 2		1.600.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	306
1	Mở rộng ĐT.758 từ Bình Long đến Thuận Phú và đoạn kết nối QL14	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	500.000	Quốc lộ 14 (ĐP)	Bình Long	43,400	6-9m	BTN, đất	42m	9m/12m-32m	Bê tông nhựa	01 cầu	138,88
2	Nâng cấp mở rộng ĐT.753B đoạn Lam Sơn - Đăng Hà	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	220.000	Lam Sơn	Đăng Hà	22,000	4/6m	Sỏi đỏ	42m	12/15m	Bê tông nhựa		44,00
3	Xây dựng đường nối Đường vòng quanh Hồ Phước Hòa với khu công nghiệp Đồng Xoài I	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	150.000	KCN Đồng Xoài 1	Phước Hòa	5,172			32m	12/14m	Bê tông nhựa	GPMB đủ theo quy hoạch	16,55
4	Xây dựng đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương TX Bình Long	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	280.000	Đoàn Thị Điểm	Thanh Lương	12,800	4,5/6m	Láng nhựa, sỏi	32m	12/32m	Bê tông nhựa		40,96
5	Xây dựng đường tránh phía đông QL 13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	190.000	Lộc Hưng, QL.13	Liên Ngành, QL.13	16,500				12/15m	Bê tông nhựa		33,00

6	Xây dựng đường kết nối các khu công nghiệp khu vực huyện Chơn Thành	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	200.000	KCN Becamex	Đại Nam - Minh Lập	4,300			30m	14m/50m	Bê tông nhựa		21,50
7	Xây dựng đường Trung tâm hành chính xã Thành Tâm nối dài đến đường Phía Tây QL.13	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	60.000	UBND xã Thành Tâm	Đường Phía Tây QL.13	3,500			32m	18/32m	Bê tông nhựa		11,20
C	Dự án ưu tiên III		2.890.000	-	-	122	-	-	-	-		-	501
1	Xây dựng đường Chơn Thành - Đồng Xoài (dự kiến thay QL.14 hiện hữu)		1.490.000	Cao tốc TPHCM- Chơn Thành	Đồng Phú - Bình Dương	37,503			75m	12m/15m	9 cầu	9 cầu	281,27
2	Xây dựng đường cấp theo đường dây 500kV đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	180.000	QL.14	Giao với đường Tân Phước-Tân Phú (ĐP)	8,970	14/32m		42m	7m- 14m/32m	Bê tông nhựa		28,70
3	Xây dựng các đường kết nối QL14 với các hồ bậc thang Suối Cam (Giai đoạn 2: Phần còn lại)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	150.000	ĐH.507	QH.35	10,500			32m	32m	Bê tông nhựa	Giải tỏa đủ 32m, đầu tư phân kỳ khoảng 9-12m nhựa	33,60
4	Xây dựng đường phía tây nam huyện Đồng Phú (từ ĐT 741 vào đường Đồng Phú – Bình Dương)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	220.000	ĐT,741, Tân Lập	ĐP-BD	5,600			42m	42m	Bê tông nhựa	01 cầu	23,52
5	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối QL14	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	350.000	Trần Hưng Đạo	QL,14	9,476			28m	14/28m	Bê tông nhựa		28,43
6	Xây dựng đường từ ngã 3 Đồng Tâm, huyện Lộc Ninh đến thị xã Phước Long	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	400.000	Ngã 3 Đồng Tâm, QL.13	Phước Long	45,000			42m	12/15m	Bê tông nhựa	01 cầu	90,00
7	Xây dựng đường kết nối từ ấp dền dền thị trấn Tân Phú đi thành phố Đồng Xoài	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	100.000	ĐH.507	Tân Lập	5,000			28m	12/28m	Bê tông nhựa		15,00

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỶ VỐN ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025
(Ban hành kèm theo Đề án phát triển hạ tầng giao thông kết nối vùng và nội tỉnh)

DVT: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Vốn năm 2021		Vốn năm 2022		Vốn năm 2023		Vốn năm 2024		Vốn năm 2025		Ghi chú
				Tổng số	Chia ra		Trung ương	Tỉnh	Trung ương	Tỉnh	Trung ương	Tỉnh	Trung ương	Tỉnh	Trung ương	Tỉnh	
					NS trung ương	NS tỉnh											
	TỔNG SỐ		67.936.166	16.638.500	2.443.434	14.195.066	820.647	401.300	565.700	1.242.494	530.000	3.815.772	494.353	4.597.000	32.734	4.138.500	-
A	Dự án ưu tiên 1		63.446.166	12.148.500	2.443.434	9.705.066	820.647	401.300	565.700	1.118.566	530.000	2.605.700	494.353	2.874.000	32.734	2.705.500	-
1	Dự án chuyển tiếp 2016-2020 chuyển qua		3.328.166	2.919.500	2.210.700	708.800	820.647	382.300	565.700	261.500	430.000	65.000	394.353	-	-	-	-
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; 03/NQ-HĐND 16/4/2021	1.450.000	1.450.000	1.450.000	-	355.647		350.000		350.000		394.353				
2	Nâng cấp, mở rộng QL.13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020; 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	450.000	367.000	320.000	47.000	115.000		125.000		80.000	47.000					-
3	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	2178/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	220.000	171.800	171.800	-	150.000		21.800								-
4	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.557	350.900	268.900	82.000	200.000	50.000	68.900	32.000							
5	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	-	110.000		65.000		45.000							
6	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.609	219.800	-	219.800		120.300		99.500							
7	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bầu Nám, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bầu Nám)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	70.000	70.000	-	70.000		63.000		7.000							
8	Xây dựng tuyến kết nối ĐT753B với đường Đồng Phú-Bình Dương (Lam Sơn - Tân Phước)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	180.000	180.000	-	180.000		84.000		78.000		18.000					
2	Dự án khởi công mới		60.118.000	9.229.000	232.734	8.996.266	-	19.000	-	857.066	100.000	2.540.700	100.000	2.874.000	32.734	2.705.500	-
1	Xây dựng đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)		29.888.000	3.000.000		3.000.000					1.000.000		1.000.000		1.000.000		

11/2021/2021

2	Xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh-Thủ Dầu Một-Chơn Thành		24.275.000	314.000	-	314.000					100.000		100.000		114.000	Phối hợp với BGTVT, Bình Dương và TPHCM	
3	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	1.450.000	1.450.000	-	1.450.000			100.000		400.000		455.000		495.000		
4	Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa Vũng Tàu	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	655.000	655.000	232.734	422.266			70.766	100.000	50.000	100.000	100.000	32.734	201.500	-	
5	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bầu Bàng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	440.000	400.000	-	400.000			116.000		130.000		154.000				
6	Dự án đường Đồng Phú - Bình Dương	848/QĐ-UBND ngày 14/4/2016	1.480.000	1.480.000	-	1.480.000			400.000		400.000		400.000		280.000		
7	Xây dựng đường kết nối Hẻm Quân ra QL.14 (Nhà Bích, huyện Chơn Thành)		500.000	500.000	-	500.000					100.000		200.000		200.000		
8	Xây dựng Đường kết nối ngang QL.14 với tuyến ĐT755 nối ĐT753	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	100.000	100.000	-	100.000	19.000		60.300		10.700		10.000				
9	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL 13 đoạn Chơn Thành-Hoa Lư	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	150.000	150.000	-	150.000					80.000		55.000		15.000		
10	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chò qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	80.000	80.000	-	80.000			40.000		40.000						
11	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối QL14 (Giai đoạn 1: Đường Hồ Xuân Hương)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	100.000	100.000		100.000			70.000		30.000						
12	Xây dựng đường kết nối từ Minh Lập (Chơn Thành) đi Bù Nho (Phù Riềng)		1.000.000	1.000.000		1.000.000					200.000		400.000		400.000		
B	Dự án ưu tiên 2		1.600.000	1.600.000	-	1.600.000	-	-	-	113.928	-	462.072	-	534.000	-	490.000	
1	Mở rộng ĐT.758 từ Bình Long đến Thuận Phú và đoạn kết nối QL14	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	500.000	500.000	-	500.000			70.000		100.000		150.000		180.000		
2	Nâng cấp mở rộng ĐT.753B đoạn Lam Sơn - Đàng Hà	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	220.000	220.000	-	220.000					68.000		82.000		70.000		
3	Xây dựng đường nối Đường vòng quanh Hồ Phước Hòa với khu công nghiệp Đồng Xoài I	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	150.000	150.000	-	150.000			43.928		64.072		42.000				

4	Xây dựng đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương TX Bình Long	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	280.000	280.000	-	280.000						50.000		80.000		150.000		
5	Xây dựng đường tránh phía đông QL 13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	190.000	190.000	-	190.000						50.000		50.000		90.000		
6	Xây dựng đường kết nối các khu công nghiệp khu vực huyện Chơn Thành	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	200.000	200.000	-	200.000						100.000		100.000				
7	Xây dựng đường Trung tâm hành chính xã Thành Tâm nối dài đến đường phía Tây	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	60.000	60.000	-	60.000						30.000		30.000				
C Dự án ưu tiên III			2.890.000	2.890.000	-	2.890.000	-	-	-	-	10.000	-	748.000	-	1.189.000	-	943.000	
1	Xây dựng đường Chơn Thành - Đồng Xoài (dự kiến thay QL.14 hiện hữu)		1.490.000	1.490.000	-	1.490.000				10.000		250.000		700.000		530.000		
2	Xây dựng đường cấp theo đường dây 500kV đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	180.000	180.000	-	180.000						50.000		82.000		48.000		
3	Xây dựng các đường kết nối QL.14 với các hồ bậc thang Suối Cam	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	150.000	150.000	-	150.000						100.000		35.000		15.000		
4	Xây dựng đường phía tây nam huyện Đồng Phú (từ ĐT 741 vào đường Đồng Phú - Bình Dương)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	220.000	220.000	-	220.000						48.000		72.000		100.000		
5	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối QL.14 (Giai đoạn 2: Phần còn lại)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	350.000	350.000	-	350.000						100.000		140.000		110.000		
6	Xây dựng đường từ ngã 3 Đồng Tâm huyện Lộc Ninh đi TX Phước Long	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	400.000	400.000	-	400.000						160.000		100.000		140.000		
7	Xây dựng đường kết nối từ ấp đến đến thị trấn Tân Phú đi thành phố Đồng Xoài	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	100.000	100.000	-	100.000						40.000		60.000				